

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 28/03/2019

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		BK3+BK10+P4	7:25	0+0+19	0+0+0		0+0+22	0+0+0	CHUYEN 3 BK3-BK10
2		RCDM+RC4+RC3	7:25	7+6+8	0+0+0		7+6+9	0+0+0	
3		RP1+PPD	7:25	20+2	0+0		17+5	0+0	
4		T.UNG	7:25	19	0		19	0	
5		JS2	9:25	22	0		22	0	5 NGUOI RP3 VE QUA JS2
6		P4+P1+RP3	9:25	5+6+10	0+0+0		5+0+17	0+0+0	
7		TD1+RP2	9:25	14+7	0+0		12+10	0+0	
8		RP3+RC6	11:25	17+5	0+0		17+5	0+0	
9		PVD6+CLO+RP1	11:25	14+0+8	0+0+0		10+0+12	0+0+0	CHUYEN 1 PVD6-CLO
10		RP2+RCDM	11:25	22+0	0+0		20+2	0+0	

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
1 AT ĐI RCDM VỀ CHUYẾN CUỐI



FLIGHT MANIFEST



DATE: 28/03/2019	TO: BK3 - BK10 - P4	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:30
FLIGHT: 2	FROM: VT	CREW: Vận - MTuấn - THỤ	ETA: 09:10
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN XUAN THUY	P4	86-87	2	12		52	XAY LAP	Vietnamese
2	TA QUOC CHINH	P4	91-92	2	20		75	XAY LAP	Vietnamese
3	DUONG MINH HOANG	P4	97	1	14		69	XAY LAP	Vietnamese
4	NGUYEN NHAT LINH	P4	83	1	14		76	XAY LAP	Vietnamese
5	NGUYEN DUC CHUNG	P4	95-96	2	18		65	XAY LAP	Vietnamese
6	LE QUOC HUONG	P4	79	1	13		74	XAY LAP	Vietnamese
7	BUI VAN THINH	P4	78	1	10		68	XAY LAP	Vietnamese
8	DINH QUANG THAI	P4	98-99	2	20		70	XAY LAP	Vietnamese
9	PHAM BA HOANG	P4	80-81	2	19		63	XAY LAP	Vietnamese
10	VU THANH LONG	P4	38-39	2	18		82	XAY LAP	Vietnamese
11	HO NGUYEN HAU	P4	63-64	2	19		61	XAY LAP	Vietnamese
12	NGUYEN CANH LUYEN	P4	84-85	2	20		69	XAY LAP	Vietnamese
13	LE VIET ANH DUC	P4	89-90	2	15		71	XAY LAP	Vietnamese
14	NGUYEN SY HAI	P4	1000	1	10		55	XAY LAP	Vietnamese
15	LE XUAN VIET	P4	62	1	10		64	XAY LAP	Vietnamese
16	TRAN VAN SON	P4	40	1	10		61	XAY LAP	Vietnamese
17	LE ANH TUAN	P4	93-94	2	18		78	XAY LAP	Vietnamese
18	PHAM KIEN TRUC	P4	88	1	16		75	XAY LAP	Vietnamese
19	NGUYEN HAM CHUNG	P4	82	1	5		65	XAY LAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK3	0	0	0	0	40	0		CHUYEN 3 PAX TU BK3 SANG BK10
2	BK10	0	0	0	0	10	0		
3	P4	19	29	281	1.293	0	22		
TOTAL		19	29	281	1.293	50	22		
WEIGHT KG				281	1.293	50			

GRAND TOAL: 1.624 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 28/03/2019	TO: RCDM - RC4 - RC3	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:35
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: TTrung - Hôi - Trường	ETA: 09:15
CAM-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ARKHIPOV	RCDM	01	1	5		90	ANTOAN	Russian
2	VU QUANG TUYEN	RCDM	003	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
3	ZAKHARIN	RCDM	03	1	10	15	110	KH-THAC	Russian
4	PHAM VAN THUAN	RCDM	04	1	7		65	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN VAN LA	RCDM					75	KH-THAC	Vietnamese
6	DANG VAN THANH	RCDM	02	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
7	VO VAN THANH	RCDM					70	PSV	Vietnamese
8	TRAN QUANG BINH	RC4	32	1	5		82	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN TRUNG TIN	RC4	33-34	2	10		90	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN DINH LOC	RC4	37	1	5	40	70	KH-THAC	Vietnamese
11	HUYNH MINH TRI	RC4	31	1	5		50	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN QUOC VIET	RC4	35-36	2	10		65	PSV	Vietnamese
13	LE VIET HUNG	RC4	30	1	5		50	PSV	Vietnamese
14	VU LE TRUNG	RC3	91-92	2	17		62	KH-THAC	Vietnamese
15	BUI SY HIEU	RC3	86	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
16	DUONG MINH KHANH	RC3	88	1	5		60	"	Vietnamese
17	PHAM THE MANH	RC3				45	68	"	Vietnamese
18	NGO KHANH NAM	RC3	87	1	5		70	"	Vietnamese
19	TRAN ANH DUC	RC3	90	1	5		65	GETRACO	Vietnamese
20	HO VAN THAO	RC3	89	1	5		70	GETRACO	Vietnamese
21	DO XUAN LOI	RC3	93	1	5		80	PVGAS	Vietnamese

FLIGHT PLAN

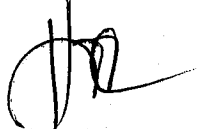
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RCDM	7	5	33	550	15	7		
2	RC4	6	8	40	407	40	6		
3	RC3	8	8	47	540	45	9		
TOTAL		21	21	120	1,497	100	22		
WEIGHT KG				120	1,497	100			

GRAND TOAL: 1.717 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 28/03/2019	TO: RPI - PPD	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:40
FLIGHT: 3	FROM: VT	CREW: ĐTuấn - DUONG - N Nam	ETA: 09:20
VANG-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN VĂN ĐẠI	RPI	38	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
2	ĐẶNG BA ĐIỀU	RPI	27	1	3		58	YTE	Vietnamese
3	TRẦN TUẤN ANH	RPI	32	1	7		67	KH-THAC	Vietnamese
4	ĐỖ ĐỨC VƯỢNG	RPI	36	1	3		80	KH-THAC	Vietnamese
5	BUI VĂN THAI	RPI	46-47	2	7	100	70	KH-THAC	Vietnamese
6	BUI NGỌC LONG	RPI	33	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
7	TRƯƠNG CÔNG THANH	RPI	35	1	6		80	KH-THAC	Vietnamese
8	BUI MINH ĐƯỜNG	RPI	29	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
9	ĐẶNG VŨ NHẬT VINH	RPI					66	KH-THAC	Vietnamese
10	LÊ TRI KHANH	RPI	39	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
11	DINH VAN THONG	RPI	34	1	7		77	KH-THAC	Vietnamese
12	PHAN TRỌNG HIỂU	RPI	42	1	3		75	KH-THAC	Vietnamese
13	HA QUỐC HOÀN	RPI	26	1	5		77	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN QUANG THÔNG	RPI	28	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
15	ĐỖ VĂN THANH	RPI	40-41	2	5		72	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN VIỆT HUNG	RPI	30	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
17	ĐINH VĂN MẠNH	RPI	43	1	3		80	KH-THAC	Vietnamese
18	PHẠM BA TÀI	RPI	31	1	2		67	KH-THAC	Vietnamese
19	TÀNG THANH DÂN	RPI	37	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN VĂN TOÀN	RPI	44-45	2	8		55	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN QUÝ TÂN	PPD	89-90	2	9		77	KHI	Vietnamese
22	NGUYỄN NGỌC TUẤN	PPD	91-92	2	8		78	KHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RPI	20	22	93	1.411	100	17		
2	PPD	2	4	17	155	0	5		
TOTAL		22	26	110	1.566	100	22		
WEIGHT KG				110	1.566	100			

GRAND TOAL: 1.776 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 28/03/2019	TO: BK THIEN UNG	AIRCRAFT: 619	ETD: 07:28
FLIGHT: 4	FROM: VT	CREW: KIÊN - Toàn	ETA: 10:30
trang-1			

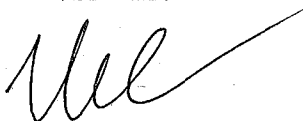
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHẠM MINH TUÂN	BK THIE	54	1	5	70	71	KH-THAC	Vietnamese
2	AVAKIAN	BK THIE	61	1	5		94	KH-THAC	Russian
3	NGUYEN QUANG TUYEN	BK THIE	55	1	5		61	KH-THAC	Vietnamese
4	BUI TRỌNG SƠN	BK THIE	50	1	8		65	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN MINH TRI	BK THIE	56	1	3		70	KH-THAC	Vietnamese
6	KHÔNG THAI BÌNH	BK THIE					74	KH-THAC	Vietnamese
7	PHẠM THANH TUNG	BK THIE	46	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN VAN DAN	BK THIE	51	1	5		64	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN VAN CHINH	BK THIE	43	1	3		63	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN THANH NAM	BK THIE	44	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
11	K LY	BK THIE	57	1	4		69	KH-THAC	Vietnamese
12	VU QUANG THÔNG	BK THIE					70	KH-THAC	Vietnamese
13	GIANG TRUNG HIEU	BK THIE	49	1	6		105	KH-THAC	Vietnamese
14	LÊ QUY TOÀN	BK THIE	52-53	2	15		57	KH-THAC	Vietnamese
15	PHẠM HỒNG SƠN	BK THIE	45	1	3		80	KH-THAC	Vietnamese
16	LAM QUANG THANH	BK THIE	60	1	5		87	T-TIN	Vietnamese
17	PHẠM VĂN HUNG	BK THIE	58-59	2	11		69	T-TIN	Vietnamese
18	BUI VAN TUAN	BK THIE	47-48	2	10		74	PVGAS	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK THIEN UNG	18	19	98	1.305	70	19		
	TOTAL	18	19	98	1.305	70	19		
	WEIGHT KG			98	1.305	70			

GRAND TOAL: 1.473 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 28/03/2019	TO: JS2	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:40
FLIGHT: 5	FROM: VT	CREW: Vận - MTuấn - THỤ	ETA: 11:20
XANH-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN NGỌC LÊ	JS2	21-22	2	17	40	71	KHOAN	Vietnamese
2	NGUYỄN BÌNH MINH	JS2	800	1	10		70	KHOAN	Vietnamese
3	EDWIN PINTO	JS2	84	1	10	15	114	KHOAN	Indian
4	PHAM DOAN HUNG	JS2	99	1	4		52	KHOAN	Vietnamese
5	DO DUC MANH	JS2	89	1	11		68	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYEN DINH CHUNG	JS2	15	1	4		89	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYEN THAI HOP	JS2	88	1	5		57	KHOAN	Vietnamese
8	PHAM MINH NGOC	JS2	18	1	7		64	KHOAN	Vietnamese
9	DANG VAN THUC	JS2	92	1	6		71	KHOAN	Vietnamese
10	TA NGOC HA	JS2	97	1	4		70	KHOAN	Vietnamese
11	DANG THE THANH	JS2	91	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYEN VAN MINH	JS2	98	1	9		77	KHOAN	Vietnamese
13	BUI ANH DUC	JS2	93	1	14		62	KHOAN	Vietnamese
14	BUI CAO HUY	JS2	17	1	2		57	KHOAN	Vietnamese
15	LE KHAC DO VAN	JS2	96	1	15		71	KHOAN	Vietnamese
16	PHAN CONG TRUONG	JS2	94-95	2	15		66	KHOAN	Vietnamese
17	DOAN MINH QUANG	JS2	86-87	2	15		75	KHOAN	Vietnamese
18	TRAN DO HOAN LAC	JS2	19-20	2	15		73	KHOAN	Vietnamese
19	NGUYEN VAN TAM	JS2	14	1	7		45	KHOAN	Vietnamese
20	CAO THANH SAC	JS2	16	1	7		74	KHOAN	Vietnamese
21	LUONG DUC HUNG	JS2	12-13	2	12		59	KHOAN	Vietnamese
22	LUONG NGOC HOANG	JS2	90	1	7		80	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

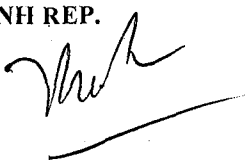
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	JS2	22	27	201	1.540	55	22		
	TOTAL	22	27	201	1.540	55	22		
	WEIGHT KG			201	1.540	55			

GRAND TOAL: 1.796 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 28/03/2019	TO: P4 - P1 - RP3	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:45
FLIGHT: 04	FROM: VT	CREW: TTrung - Hôi - Trường	ETA: 11:25
CAM-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	BUI CÔNG TRINH	P4	90	1	5		60	PVE	Vietnamese
2	NGUYEN VAN AN	P4	99	1	5	50	68	PVE	Vietnamese
3	NGO QUANG KHIEM	P4	100	1	7		56	PVE	Vietnamese
4	BUI VAN HA	P4	97	1	5		67	PVE	Vietnamese
5	PHAM VAN THIET	P4	98	1	5		65	PVE	Vietnamese
6	HA XUAN THANH	P1	54	1	3		71	XAYLAP	Vietnamese
7	NGO TRUNG KIEN	P1	52	1	7		70	XAYLAP	Vietnamese
8	TRAN ANH TUAN	P1				70	60	XAYLAP	Vietnamese
9	HOANG NGOC THANH	P1	51	1	10	20	72	XAYLAP	Vietnamese
10	NGUYEN HONG QUAN	P1	53	1	5		67	XAYLAP	Vietnamese
11	NGUYEN MANH DUNG	P1					70	XAYLAP	Vietnamese
12	NGUYEN TRI CHUNG	RP3					60	KH-THAC	Vietnamese
13	PHAM DUY NHIEN	RP3	88	1	4		72	KH-THAC	Vietnamese
14	HUYNH TAN NGON	RP3	85	1	4		72	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN THANH TUNG *TT	RP3	98	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
16	DO QUANG TO	RP3	99	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
17	PHAN ANH DONG	RP3	500	1	4		75	KH-THAC	Vietnamese
18	VO HO HAI	RP3	88	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYEN GIA THIEN	RP3	87	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
20	DU TRAN HUNG	RP3	86-87	2	10		72	KH-THAC	Vietnamese
21	VO TAN CHAU	RP3	84	1	5		78	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYEN KIM SON	RP3	83	1	3		65	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P4	5	5	27	316	50	5		
2	P1	6	4	25	410	90	0		
3	RP3	11	11	50	761	0	17		
TOTAL		22	20	102	1.487	140	22		
WEIGHT KG				102	1.487	140			

GRAND TOAL: 1.729 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 28/03/2019	TO: TD1 - RP2	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:50
FLIGHT:	FROM: VT	CREW: ĐTuấn - DUONG - N Nam	ETA: 11:30
VANG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN HUNG QUAN	TD1	29	1	7		70	D-HANH	Vietnamese
2	CAO THANH HOP	TD1	31	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN THANH HAI	TD1	30	1	10		59	KH-THAC	Vietnamese
4	VÔ VĂN ĐÔNG	TD1	33	1	3		62	KH-THAC	Vietnamese
5	HUYNH MINH SANG	TD1	35	1	4		75	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN CONG HUNG	TD1					57	KH-THAC	Vietnamese
7	ĐINH VĂN LIEN	TD1	36	1	3		62	KH-THAC	Vietnamese
8	VU BA NEP	TD1	37	1	12		63	KH-THAC	Vietnamese
9	TRẦN NAM TRUNG	TD1	34	1	7		60	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN KHAC THONG	TD1	41	1	5	40	67	CODIEN	Vietnamese
11	LAM NHUT MINH	TD1	40	1	10	130	65	CODIEN	Vietnamese
12	TRẦN KHANH TUNG	TD1	38-39	2	13		70	XAYLAP	Vietnamese
13	LIU SUNG BA	TD1	49	1	6		65	XAYLAP	Vietnamese
14	NGUYEN TIEN HONG	TD1	32	1	5		55	PSV	Vietnamese
15	TRẦN ĐỨC KHANG	RP2	74	1	5	12	80	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN DOAN BINH	RP2	75	1	7		67	YTE	Vietnamese
17	NGUYEN VĂN LIEM	RP2	71	1	10		66	KH-THAC	Vietnamese
18	ĐINH XUAN GIANG	RP2	73	1	5		52	KH-THAC	Vietnamese
19	PHAN TÂN TÀI	RP2					74	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYEN DUY HUNG	RP2	72	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
21	BUI NGOC THAN	RP2					71	KH-THAC	Vietnamese
22	TARASENKO	RP2	70	1	5		71	KH-THAC	Russian

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD1	14	14	90	895	170	12		
2	RP2	8	6	37	548	12	10		
TOTAL		22	20	127	1.443	182	22		
WEIGHT KG				127	1.443	182			

GRAND TOAL: 1.752 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 28/03/2019	TO: RP3 - RC6	AIRCRAFT: 420	ETD: 11:55
FLIGHT: 06	FROM: VT	CREW: Hồi - MTHAO - Trường	ETA: 13:35
TRANG-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ CÔNG HÙNG	RP3	18	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
2	CAO ĐỨC THANH	RP3	13	1	5		71	KH-THAC	Vietnamese
3	DƯƠNG CHUNG THUY	RP3	17	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
4	TRẦN SỸ ĐIệp	RP3	08	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
5	HOANG VAN HOI	RP3	09	1	4		60	KH-THAC	Vietnamese
6	TRẦN VĂN TIEN	RP3	15	1	5		71	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN THANH BÌNH	RP3	07	1	5		71	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN HỮU MẬU	RP3	01	1	9		65	KH-THAC	Vietnamese
9	ĐINH QUANG THANH	RP3	06	1	7		71	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN TÂN TRỌNG	RP3	03-04	2	7		70	KH-THAC	Vietnamese
11	TRẦN HAI HA *TT	RP3	16	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
12	VÔ THANH LAM	RP3	02	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
13	ĐẶNG HAI HA	RP3	12	1	10		80	KH-THAC	Vietnamese
14	PHẠM QUỐC CHẾ	RP3	14	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
15	PHẠM VĂN ĐÔNG	RP3	11	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN HIEN	RP3	10	1	4		82	KH-THAC	Vietnamese
17	TRẦN QUY HAI	RP3	05	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN ĐÌNH NGU	RC6	42	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
19	TRẦN VĂN TIEN	RC6	45	1	5		82	KH-THAC	Vietnamese
20	ĐỖ QUỐC HUY	RC6	44	1	5	90	70	KH-THAC	Vietnamese
21	DƯƠNG NHẬT THANH	RC6	43	1	10		80	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYỄN VIỆT HA	RC6	46	1	5		75	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP3	17	18	96	1.178	0	17		
2	RC6	5	5	30	367	90	5		
TOTAL		22	23	126	1.545	90	22		
WEIGHT KG				126	1.545	90			

GRAND TOAL: 1761 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 28/03/2019	TO: PVD6 - CLO - RP1	AIRCRAFT: 427	ETD: 12:00
FLIGHT:	FROM: VT	CREW: ĐTuấn - TRƯỜNG - Toàn	ETA: 13:40
NAU-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	KHALIMOV AIDAR	PVD6	36	1	15		92	KH-THAC	Russian
2	NGO NGOC VINH	PVD6	37-38	2	11		60	VTB	Vietnamese
3	TRAN VAN TINH	PVD6	35	1	9		63	KH-THAC	Vietnamese
4	LUONG XUAN THANH	PVD6	41	1	6		75	KH-THAC	Vietnamese
5	TRAN TRONG MANH	PVD6	34	1	8	88	57	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN TIEN THUC	PVD6	39	1	4		85	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN THANH LUAN	PVD6	40	1	5		53	KH-THAC	Vietnamese
8	TRAN ANH TUAN	PVD6	30	1	10		77	DVL	Vietnamese
9	HAN DAI HAO	PVD6	31	1	13		77	DVL	Vietnamese
10	NGUYEN XUAN NGOC	PVD6	32	1	6		65	DVL	Vietnamese
11	VU VAN TRUNG	PVD6	33	1	12		77	DVL	Vietnamese
12	LUONG THE HIEN	PVD6	29	1	5		68	NIPI	Vietnamese
13	LUONG MINH KHUE	PVD6	04	1	5		56	NIPI	Vietnamese
14	NGUYEN NAM SON	PVD6	42	1	8		82	GETRACO	Vietnamese
15	TO NGUYEN MINH KHOI	RP1	71	1	9		75	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN DINH THAM	RP1	70	1	9		70	KH-THAC	Vietnamese
17	ĐANG DINH THANG	RP1	74	1	10		75	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN VAN NANG	RP1	72	1	8		77	KH-THAC	Vietnamese
19	LY BANG	RP1	75	1	10	40	77	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYEN VIET BANG	RP1	73	1	6		63	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYEN THUA THAI	RP1	67	1	8		63	CODIEN	Vietnamese
22	DOAN VIET DONG	RP1	68-69	2	10		67	CODIEN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PVD6	14	15	117	987	88	10	11	CHUYEN 1 PAX PVD6 SANG CLO
2	CLO	0	0	0	0	10	0		
3	RP1	8	9	70	567	40	12		
TOTAL		22	24	187	1.554	138	22		
WEIGHT KG				187	1.554	138			

GRAND TOAL: 1.879 KGS

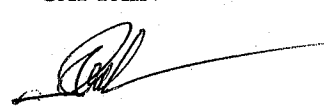
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 28/03/2019	TO: RP2 - RCDM	AIRCRAFT: 426	ETD: 11:50
FLIGHT: 10	FROM: VT	CREW: Vận - MMinh - PTUẤN	ETA: 13:30
XANH-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN XUÂN HAI	RP2	99	1	4	60	66	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN HUNG CUONG	RP2	89-90	2	9		86	KH-THAC	Vietnamese
3	LÊ LAM	RP2	78-79	2	8		70	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN VĂN HIẾU	RP2	87	1	4		62	KH-THAC	Vietnamese
5	HOANG NGOC LAN	RP2					81	KH-THAC	Vietnamese
6	PHẠM TRUNG KIEN	RP2	86	1	3		69	KH-THAC	Vietnamese
7	LƯU VĂN ĐIỀN	RP2	80	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
8	BUI QUANG THUẬN	RP2	95	1	7		65	KH-THAC	Vietnamese
9	ĐỖ VĂN DŨNG	RP2	92	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
10	ĐỖ ĐỨC CUONG	RP2					76	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN QUANG VINH	RP2	91	1	5		71	KH-THAC	Vietnamese
12	TRẦN ĐỨC TRƯỞNG	RP2	85	1	5		46	KH-THAC	Vietnamese
13	VŨ HUU QUAN	RP2	81	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
14	TRẦN XUÂN SAU	RP2	93	1	4		60	KH-THAC	Vietnamese
15	LÊ ĐỨC OANH	RP2					65	KH-THAC	Vietnamese
16	VÔ HOANG CAM	RP2	94	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
17	LÊ CHI CÔNG	RP2	88	1	4		88	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN QUANG VINH	RP2	42	1	3		70	KH-THAC	Vietnamese
19	ĐOÀN KIM NGÂN	RP2	82	1	6		65	KH-THAC	Vietnamese
20	LÊ VIỆT TRƯỞNG	RP2	400	1	4		64	KH-THAC	Vietnamese
21	LƯƠNG NGỌC THANH	RP2	83-84	2	15		98	KH-THAC	Vietnamese
22	LÊ QUANG ANH HUNG	RP2	77	1	2		58	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

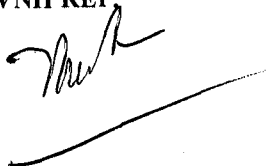
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP2	22	22	103	1.522	60	20		
2	RCDM	0	0	0	0	20	2		
TOTAL		22	22	103	1.522	80	22		
WEIGHT KG				103	1.522	80			

GRAND TOAL: 1.685 KGS + 20kgs

VSP REP.



VNH REP



CAPTAIN



LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN ĐĐT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 29/03/2019

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		CNV+CTK3	7:25	7+13	0+0		7+15	0+0	CHUYỂN 2 CNV-CTK3
2		PPD+P7	7:25	17+5	0+0		14+8	0+0	
3		AMD+BK10	7:25	22+0	0+0		19+3	0+0	
4		CTK3	9:25	20	0		22	0	
5		JS2+VSP02	9:25	3+19	0+0		0+22	0+0	
6		BK14+BK9+PPD	9:25	12+5+5	0+0+0		10+5+7	0+0+0	
7		RP1+P3+AMD	11:25	21+0+0	0+0+0		2+7+13	0+0+0	2 NGUOI KONSON VÉ QUA RP1
8		PPD+VSP02	11:25	9+13	0+0		8+13	0+0	

TTDBSX

FLIGHT MANIFEST

DATE: 29/03/2019	TO: CNV - CTK3	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: TUYỀN - Khang - Luy	ETA: 09:10
XANH-1			

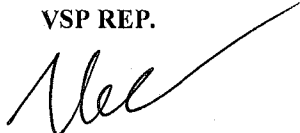
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN ANH HÙNG	CNV	65	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN TRỌNG MẠNH	CNV	66	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
3	ĐINH VĂN SƠN	CNV	72	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
4	PHUNG VĂN KHANH	CNV	64	1	5	60	72	KH-THAC	Vietnamese
5	TRẦN NGỌC TRI	CNV					67	KH-THAC	Vietnamese
6	VŨ QUANG HAI	CNV	68	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
7	ĐÀU ĐỨC NGỌC	CNV	67	1	5		65	PSV	Vietnamese
8	PHẠM XUÂN HÒA	CTK3	01	1	13		75	YTE	Vietnamese
9	HOANG THANH HÒA	CTK3	07	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
10	ĐOÀN QUANG CHUNG	CTK3					75	KH-THAC	Vietnamese
11	BUI TIẾN DŨNG	CTK3	11	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN VĂN CƯỜNG	CTK3	04	1	4		45	KH-THAC	Vietnamese
13	VŨ CÔNG KHANG	CTK3	06	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN ĐỨC HÙNG	CTK3	08	1	5	20	45	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN ANH ĐỨC	CTK3	05	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
16	ĐO VĂN TRI	CTK3	12	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN XUÂN MINH	CTK3	09	1	5		55	KH-THAC	Vietnamese
18	BUI VĂN BÁC	CTK3					52	KH-THAC	Vietnamese
19	ĐÀO THẾ HUNG	CTK3	03	1	4		71	KH-THAC	Vietnamese
20	PHAN XUÂN THANH	CTK3	02	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CNV	7	6	32	499	60	7 + 2		CHUYỂN 02 PAX TỪ CNV SANG CTK3
2	CTK3	13	11	61	800	20	15		
TOTAL		20	17	93	1.299	80	22		
WEIGHT KG				93	1.299	80			

GRAND TOAL: 1.472 KGS

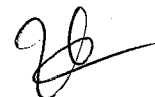
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 29/03/2019	TO: PPD - P7	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:35
FLIGHT: 2	FROM: VT	CREW: Nam - MMinh - DTùng	ETA: 09:15
CAM-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN VĂN VINH	PPD	09	1	4	40	75	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN ANH TU	PPD	13	1	9		76	KHI	Vietnamese
3	LY XUÂN TRUNG	PPD	14-16	3	20		70	YIE	Vietnamese
4	LE XUÂN MINH	PPD	07	1	4		76	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN ĐÌNH THẮNG	PPD	08	1	5		54	KH-THAC	Vietnamese
6	PHAN VĂN THẮNG	PPD	11	1	5		74	KH-THAC	Vietnamese
7	LE SY KHOA	PPD					75	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN DANH TUẤN	PPD	02	1	2		66	KH-THAC	Vietnamese
9	PHAN VĂN ĐƯƠNG	PPD	10	1	5		55	KH-THAC	Vietnamese
10	TÔ QUANG HUY	PPD					67	KH-THAC	Vietnamese
11	ĐỖ XUÂN HÀ	PPD	12	1	6		57	KH-THAC	Vietnamese
12	TRẦN VĂN NHÀ	PPD	04-05	2	9		70	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN THANH TRUNG	PPD					68	KH-THAC	Vietnamese
14	ĐOÀN VĂN THUẬN	PPD	01	1	5		69	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN TRỌNG KHÔI	PPD	03	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN HUY HOÀNG	PPD					88	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN THANH NAM	PPD	06	1	8		70	KH-THAC	Vietnamese
18	HỒ NGỌC BÉN	P7	17	1	9		75	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN XUÂN ĐỒNG	P7	21	1	10		75	KH-THAC	Vietnamese
20	BUI XUÂN TRƯỞNG	P7	20	1	7	38	65	KH-THAC	Vietnamese
21	VU VĂN GIANG	P7	19	1	10		78	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYỄN TUẤN ANH	P7	18	1	13		62	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PPD	17	16	87	1.172	40	14		
2	P7	5	5	49	355	38	8		
TOTAL		22	21	136	1.527	78	22		
WEIGHT KG				136	1.527	78			

GRAND TOAL: 1.741 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 29/03/2019	TO: AMD - BK10	AIRCRAFT: 428	ETD: 07:40
FLIGHT: 3	FROM: VT	CREW: Phong - CHIẾN - HIẾU	ETA: 09:20
TRANG-1			

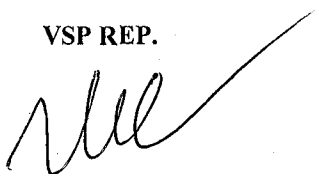
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRAN DAI NGHIA	AMD	41-42	2	17	30	69	HLJOC	Vietnamese
2	NGUYEN DUY LAM	AMD	36	1	11		68	HLJOC	Vietnamese
3	NGUYEN VO BA LINH	AMD	39-40	2	16		71	HLJOC	Vietnamese
4	PHAM VU THANG	AMD	43	1	12		74	TLJOC	Vietnamese
5	HY TAC SANG	AMD	44	1	12		71	TLJOC	Vietnamese
6	NGUYEN ANH DUY	AMD	32	1	11		56	KH-THAC	Vietnamese
7	BUI XUAN TAO	AMD	21	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
8	TRAN LE HOA	AMD	17	1	7		64	KH-THAC	Vietnamese
9	TRAN HIEU THAO	AMD	35	1	3		55	KH-THAC	Vietnamese
10	YA LOC	AMD	22	1	5		71	KH-THAC	Vietnamese
11	TRAN NGOC PHUC	AMD	23	1	6		65	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN XUAN THUY	AMD	37	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
13	DUONG VAN DONG	AMD	29	1	6		60	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN BA QUAN	AMD	19-20	2	13		78	KH-THAC	Vietnamese
15	VU XUAN DUC	AMD	31	1	10		71	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN TRAN QUOC KHANG	AMD	24-25	2	19		72	KH-THAC	Vietnamese
17	PHAM VIET DUC	AMD	38	1	11		80	KH-THAC	Vietnamese
18	TRAN TRUNG KIEN	AMD	33-34	2	10		89	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYEN DUC NHA	AMD	30	1	10		54	KH-THAC	Vietnamese
20	TRAN HUU DANG	AMD	26-27	2	10		80	KH-THAC	Vietnamese
21	BUI SY QUYEN	AMD	28	1	8		65	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYEN VAN DAN	AMD	18	1	6		61	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	AMD	22	28	213	1.511	30	19		
2	BK10	0	0	0	0	20	3		
TOTAL		22	28	213	1.511	50	22		
WEIGHT KG				213	1.511	50			

GRAND TOAL: 1.774 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 29/03/2019	TO: CTK3	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:40
FLIGHT: 4	FROM: VT	CREW: TUYỀN - Khang - Luy	ETA: 11:20
XANH-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN VĂN THĂNG	CTK3	30	1	2		67	KH-THAC	Vietnamese
2	ĐOÀN NGỌC THƯƠNG	CTK3	15	1	5		74	KH-THAC	Vietnamese
3	PHẠM CÔNG ƯỚC	CTK3	29	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN THIÊN TOÀN	CTK3	23	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN QUANG CHUÔNG	CTK3	31	1	3		60	KH-THAC	Vietnamese
6	HOANG VIỆT HÙNG	CTK3	14	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
7	BUI MINH HAI	CTK3	16	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
8	VÔ NGỌC CHÍNH	CTK3	32	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
9	ĐINH QUANG HOÀN	CTK3					67	KH-THAC	Vietnamese
10	ĐẶNG THIỆU THANH	CTK3	28	1	5		82	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN PHÚC PHƯỢNG	CTK3	24	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN VIỆT LONG	CTK3	27	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
13	ĐẠO ĐỨC THĂNG	CTK3	25	1	10		67	KH-THAC	Vietnamese
14	PHẠM NGỌC CHIẾN	CTK3	22	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
15	PHAN VĂN CHUYỀN	CTK3	33-34	2	7		65	KH-THAC	Vietnamese
16	MOHD IRWANIZA B.A BAKAR	CTK3	20-21	2	17		92	KH-THAC	Malaysian
17	NGUYỄN MẠNH TIỀN	CTK3	26	1	5		55	PSV	Vietnamese
18	PHẠM ĐỨC CẢNH	CTK3	17	1	5		60	PSV	Vietnamese
19	LÊ QUANG HÀ	CTK3	19	1	5		68	PSV	Vietnamese
20	HOANG THAI LONG	CTK3	13	1	5		55	PSV	Vietnamese
21	DANG DINH HOA	CTK3	18	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CTK3	21	22	114	1.425	0	22		
TOTAL		21	22	114	1.425	0	22		
WEIGHT KG				114	1.425	0			

GRAND TOAL: 1.539 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 29/03/2019	TO: JS2 - VSP02	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:45
FLIGHT: 5	FROM: VT	CREW: Nam - MMinh - DTùng	ETA: 11:25
CAM-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	KARPUNIN A	JS2	29	1	14		92	KHOAN	Russian
2	TELESSHENKO IVAN	JS2	25	1	15		120	KHOAN	Russian
3	PHẠM THẾ TAM	JS2	26-28	3	18		81	KHOAN	Vietnamese
4	EDUARD YANDYAN	VSP02	01	1	14	15	81	KH-THAC	Russian
5	NGUYEN VAN QUAN	VSP02	45	1	6		64	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN TRỌNG BÌNH	VSP02	09	1	5		68	YTE	Vietnamese
7	BODAN KARPENKO	VSP02	07	1	12		85	KH-THAC	Russian
8	SERGIENKO SERGEY	VSP02	84	1	9		76	KH-THAC	Russian
9	LÊ VĂN HIỆP	VSP02	04	1	6		72	KH-THAC	Vietnamese
10	TRẦN MINH TUẤN THỊNH	VSP02	06	1	3		86	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN TIEN TUE	VSP02	12	1	12		66	KH-THAC	Vietnamese
12	ĐỖ DUY HOAN	VSP02	85	1	4		74	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN VĂN ĐỒNG	VSP02					75	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN LÊ MINH TUẤN	VSP02	11	1	6		94	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN XUÂN TRƯỞNG	VSP02	10	1	2		62	KH-THAC	Vietnamese
16	ĐẶNG VIỆT THANH	VSP02	46	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
17	TRẦN THẾ CUƠNG	VSP02					71	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN LUONG HA	VSP02	05	1	4		64	KH-THAC	Vietnamese
19	NGO ĐỨC TRI	VSP02	08	1	5		59	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYEN TIEN HIỆP	VSP02	02-03	2	6		69	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYEN DUY PHÚC	VSP02	47	1	2		77	KH-THAC	Vietnamese
22	TRẦN GIA KHÁNH	VSP02	42-43	2	20	10	75	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	JS2	3	5	47	293	0	1		
2	VSP02	19	19	121	1.385	25	21		
TOTAL		22	24	168	1.678	25	22		
WEIGHT KG				168	1.678	25			

GRAND TOAL: 1.871 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 29/03/2019	TO: BK14 - BK9 - PPD	AIRCRAFT: 428	ETD: 09:50
FLIGHT: 6	FROM: VT	CREW: Phong - CHIẾN - HIẾU	ETA: 11:30
VANG-2			

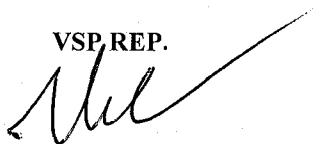
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	BAMBUROV E.N.	BK14	55	1	12		95	KH-THAC	Russian
2	YUSUPOV DMITRY	BK14	77	1	12		72	KH-THAC	Russian
3	CHAYUT TANTRAGUL	BK14	78-79	2	20	12	85	SCHLUMB	Thailand
4	NGUYEN DINH THINH	BK14	100	1	12		70	KH-THAC	Vietnamese
5	LE ANH TUAN	BK14	82	1	5	35	85	KH-THAC	Vietnamese
6	TRUONG VAN HAI	BK14	81	1	7		82	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN HUU SY	BK14	83	1	6		70	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN HUY HOANG	BK14	86	1	10	42	75	CODIEN	Vietnamese
9	DUONG HUU THUAN	BK14	85	1	5		74	CODIEN	Vietnamese
10	BUI CONG THANH	BK14	56	1	14		79	XAYLAP	Vietnamese
11	MAI DUY TAN	BK14	57-58	2	18		64	XAYLAP	Vietnamese
12	PHAM NGOC NINH	BK14	84	1	5		76	PSV	Vietnamese
13	LUU VAN SON	BK9					80	KH-THAC	Vietnamese
14	VO THE HAU	BK9				35	70	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN NGHIA TIN	BK9	91	1	10		76	KH-THAC	Vietnamese
16	TRAN TRUNG KIEN	BK9	92	1	4		72	KH-THAC	Vietnamese
17	BUI DUC KHANH	BK9					62	PSV	Vietnamese
18	NGUYEN NGOC CU	PPD	19	1	4		64	KH-THAC	Vietnamese
19	NGO SACH DUC	PPD	21	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
20	TRAN DOAN HUONG	PPD					76	KH-THAC	Vietnamese
21	PHAN THANH TINH	PPD	20	1	14		75	DVL	Vietnamese
22	LE HAI DUONG	PPD	22-23	2	15	40	81	T-TIN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

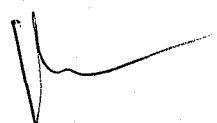
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK14	12	14	126	927	89	10		
2	BK9	5	2	14	360	35	5		
3	PPD	5	5	38	368	40	7		
TOTAL		22	21	178	1.655	164	22		
WEIGHT KG				178	1.655	164			

GRAND TOAL: 1.997 KGS

VSP.REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 29/03/2019	TO: RP1 - P3 - AMD	AIRCRAFT: 426	ETD: 11:50
FLIGHT: 7	FROM: VT	CREW: Khang - HUNG - PTUẤN	ETA: 13:30
xanh-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	BUI VAN DUNG	RP1	62	1	7		63	XAYLAP	Vietnamese
2	LE VAN DUNG	RP1	80	1	7		72	XAYLAP	Vietnamese
3	GODOVANTS	RP1	69	1	12		90	XAYLAP	Russian
4	DO NGOC TAM	RP1	68	1	10		87	XAYLAP	Vietnamese
5	LE VAN CHIEN	RP1	66	1	12		64	XAYLAP	Vietnamese
6	NGUYEN XUAN NINH	RP1	64-65	2	12	40	67	XAYLAP	Vietnamese
7	NGUYEN VAN BANG	RP1	70	1	6		70	XAYLAP	Vietnamese
8	NGUYEN DUC DOAI	RP1	60	1	7		60	XAYLAP	Vietnamese
9	NGUYEN XUAN THANG	RP1	71	1	15		55	XAYLAP	Vietnamese
10	NGUYEN QUOC HUY	RP1	59	1	10		62	XAYLAP	Vietnamese
11	LE HONG LONG	RP1	61	1	10		74	XAYLAP	Vietnamese
12	DOAN NGOC DINH	RP1	67	1	10		72	XAYLAP	Vietnamese
13	NGUYEN TRONG NHAT	RP1	73	1	7		56	XAYLAP	Vietnamese
14	HOANG ANH TUAN	RP1	81	1	8		65	XAYLAP	Vietnamese
15	NINH VAN SON	RP1	75	1	8		70	XAYLAP	Vietnamese
16	PHAM TAT LUC	RP1	78-79	2	17		72	XAYLAP	Vietnamese
17	TRAN DUC VUONG	RP1	84	1	10		68	XAYLAP	Vietnamese
18	LE TRONG DUNG	RP1	74	1	8		60	XAYLAP	Vietnamese
19	VU MINH HUNG	RP1	63	1	15		66	XAYLAP	Vietnamese
20	NGO XUAN TUAN	RP1	76-77	2	14		65	XAYLAP	Vietnamese
21	NGUYEN TUAN LINH	RP1	72	1	12		67	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP1	21	24	217	1.425	40	2		
2	P3	0	0	0	0	0	7		
3	AMD	0	0	0	0	0	13		
TOTAL		21	24	217	1.425	40	22		
WEIGHT KG				217	1.425	40			

GRAND TOAL: 1.682 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 29/03/2019	TO: PPD - VSP02	AIRCRAFT: 420	ETD: 11:55
FLIGHT: 8	FROM: VT	CREW: Nam - KHOAN - Toan	ETA: 13:35
CAM-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN TRUNG HẬU	PPD	97-98	2	8		76	T-TIN	Vietnamese
2	PHẠM VĂN TUÂN	PPD	26-27	2	16		59	T-TIN	Vietnamese
3	NGUYỄN THANH TRUNG	PPD	31-32	2	10	51	64	TECMACH	Vietnamese
4	NGUYỄN ANH TUÂN	PPD	96	1	6		70	TECMACH	Vietnamese
5	DƯƠNG HỮU PHÚC	PPD	29-30	2	10		86	TECMACH	Vietnamese
6	PHẠM NGUYỄN ĐẠT	PPD	99	1	9		66	TECMACH	Vietnamese
7	VÕ VĂN ĐÔNG	PPD	28	1	6		70	TECMACH	Vietnamese
8	NGUYỄN HỮU MAI	PPD	94-95	2	16		64	B/HUGHES	Vietnamese
9	NGUYỄN ĐÌNH THANH HAI	PPD	88,93	2	15		56	B/ HUGHES	Vietnamese
10	NGUYỄN XUÂN GIANG	VSP02	31	1	6		69	KH-THAC	Vietnamese
11	TẠ VĂN CUÔNG	VSP02	39	1	10		66	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN VĂN BÌNH	VSP02	28	1	3		70	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN QUỐC CHIẾN	VSP02	30	1	5		71	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN MINH DÂN	VSP02					70	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN GIA LONG	VSP02	35	1	3		75	KH-THAC	Vietnamese
16	ĐỖ VĂN PHÚ	VSP02	33	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
17	LUƠNG QUANG TUYẾN	VSP02	32	1	3		62	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN XUÂN QUANG	VSP02	38	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
19	PHẠM HỮU ĐẠT	VSP02	37	1	6		80	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN HUY THÔNG	VSP02	36	1	5		69	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN THẾ VINH	VSP02	29	1	2		75	KH-THAC	Vietnamese
22	HOANG MINH SƠN	VSP02	34	1	12		68	ANTOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PPD	9	15	96	611	51	8		
2	VSP02	13	12	67	910	0	14		
TOTAL		22	27	163	1.521	51	22		
WEIGHT KG				163	1.521	51			

GRAND TOAL: 1.735 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN